

Tên:

Lớp: S2...

Ngày giao bài: Thứ..., ngày.../....

Ngày nộp bài: Thứ..., ngày.../....

Từ vựng:

Nghe:

Mini test:

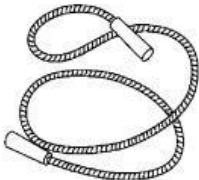
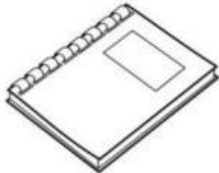


GLOBAL ENGLISH 2

Unit 1: A day at school - Vocabulary 2 & Starters Speaking

A. VOCABULARY

❖ Personal possessions (Đồ dùng cá nhân)

				
skipping rope(s) (n) dây (để nhảy)	jumper(s) (n) áo len chui đầu	lunchbox(es) (n) hộp cơm trưa	notebook(s) (n) sổ ghi chép	sunglasses (n) kính râm

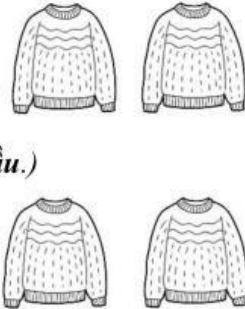
❖ Extra vocabulary

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	favorite (adj/n)	yêu thích / cái yêu thích	3	jeans (n)	quần bò
2	T-shirt (n)	áo phông	4	meat (n)	thịt

*Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi.

B. STRUCTURE

How many ____ are there?	How many jumpers are there? (Có bao nhiêu chiếc áo len chui đầu ở đó?)
There is one ____.	There is one jumper . (Có một chiếc áo len chui đầu.) 
There are two/three/four ____.	There are four jumpers . (Có bốn chiếc áo len chui đầu.) 



How many notebooks
are there?



There are two
notebooks.

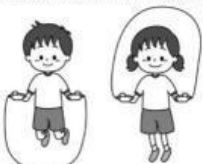


C. HOMEWORK

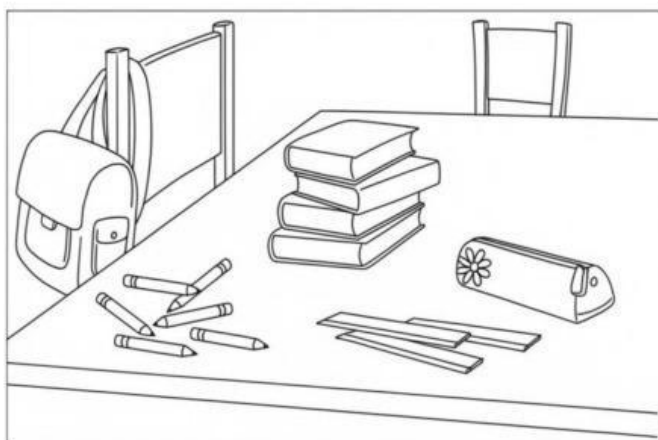
Exercise 1. Write words corresponding to the pictures. (Viết từ tương ứng dưới mỗi bức hình.)

		
0. <u>pencil</u>	1. l _____	2. s _____
		
3. n _____	4. s _____ r _____	5. j _____

Exercise 2. Write “is” or “are” in the gap. (Điền “is” hoặc “are” vào chỗ trống.)

	0. There <u>are</u> eight stars.		1. There _____ one lunchbox.
	2. There _____ four jumpers.		3. There _____ six sunglasses.
	4. There _____ two skipping ropes.		5. There _____ one notebook.

Exercise 3. Look at the picture and fill in the blanks. (Nhìn tranh và điền vào chỗ trống.)



0. How many rulers are there?

→ There are three rulers.

1. How many school bags are there?

→ There is _____ school bag.

2. How many _____ are there?

→ There are six pencils.

3. How many _____ are there?

→ There are two chairs.

4. How many books are there?

→ There are _____ books.

5. How many pencil cases are there?

→ There is _____ pencil case.

Part 3

– 5 questions –

Listen and tick (✓) the box. There is one example.

Which girl is Sue?



A ☐



B ☒



C ☐

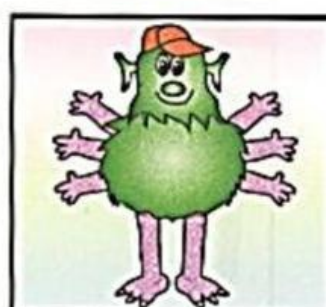
1 Which monster does Sam like?



A ☐



B ☐



C ☐

2 How does Sam go to school?



A ☐



B ☐



C ☐

3 What's Ann wearing?



A ☐



B ☐



C ☐

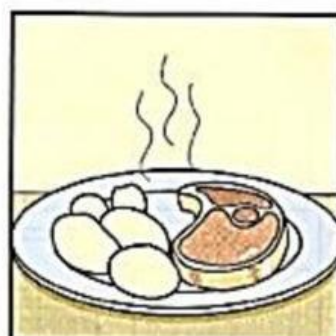
4 What's Pat's favourite lunch?



A ☐

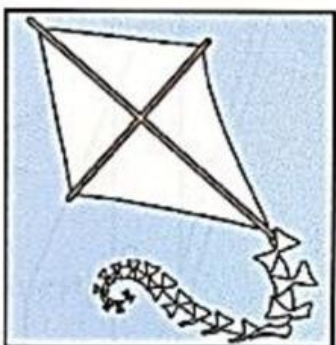


B ☐

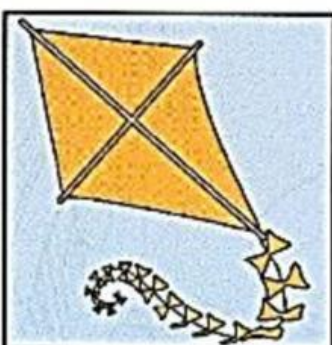


C ☐

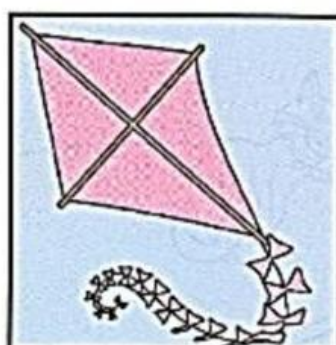
5 Which is Tom's kite?



A ☐



B ☐



C ☐

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo.
Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

